

1. MÔN TOÁN 8 – TUẦN 5

Bài 6: PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶT NHÂN TỬ CHUNG

1. Ví dụ:

VD1: Hãy viết $2x^2 - 4x$ thành một tích của những đa thức.

Giải: $2x^2 - 4x = 2.x.x - 2.2.x = 2x(x-2)$.

➔ Phân tích đa thức thành nhân tử (hay thừa số) là biến đổi đa thức đó thành tích của những đa thức.

2. Áp dụng:

?1. a) $x^2 - x = x.x - x.1 = x(x-1)$

b) $5x^2(x-2y) - 15x(x-2y) = 5.x.x(x-2y) - 3.5.x(x-2y) = 5x(x-2y)(x-3)$

c) $3(x-y) - 5x(y-x) = 3(x-y) + 5x(x-y) = (x-y)(3+5x)$.

Chú ý: Nhiều khi để làm xuất hiện nhân tử chung ta cần đổi dấu các hạng tử ($A = -(-A)$).

?2.

$$3x^2 - 6x = 0 \Leftrightarrow 3x(x-2) = 0 \Leftrightarrow 3x = 0 \text{ hoặc } x-2 = 0$$

$$\Leftrightarrow x = 0 \text{ hoặc } x = 2$$

Vậy $x=0$; $x=2$.

Bài tập về nhà:

Bài 39,40,41,42 /SGK trang 19.

Bài 7: PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ BẰNG PHƯƠNG PHÁP DÙNG HẰNG ĐẲNG THỨC

1. Ví dụ:

?1. a) $x^3 + 3x^2 + 3x + 1 = (x+1)^3$

b) $(x+y)^2 - 9x^2 = (x+y)^2 - (3x)^2 = (x+y-3x)(x+y+3x) = (y-2x)(4x+y)$

?2. $105^2 - 25 = 105^2 - 5^2 = (105-5)(105+5) = 100.110 = 11000$

2, Áp dụng:

Bài 43:

a) $x^2 + 6x + 9 = x^2 + 2.x.3 + 3^2 = (x+3)^2$

c) $8x^3 - \frac{1}{8} = (2x)^3 - \left(\frac{1}{2}\right)^3 = \left(2x + \frac{1}{2}\right)\left(2x - \frac{1}{2}\right)$

Bài 45:

a)

$2 - 25x^2 = 0$

$\Leftrightarrow \sqrt{2}^2 - (5x)^2 = 0$

$\Leftrightarrow (\sqrt{2} - 5x)(\sqrt{2} + 5x) = 0$

$\Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{2} - 5x = 0 \\ \sqrt{2} + 5x = 0 \end{cases}$

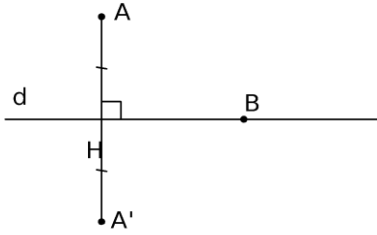
$\Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{\sqrt{2}}{5} \\ x = -\frac{\sqrt{2}}{5} \end{cases}$

Vậy $x = \frac{\sqrt{2}}{5}; x = \frac{-\sqrt{2}}{5}$.

➡️ Tập về nhà: Bài 43b,c/ trang 20; bài 44/ trang 20; bài 46/trang 21.

Bài 6: ĐỐI XỨNG TRỰC

1) Hai điểm đối xứng qua một đường thẳng:



?1.

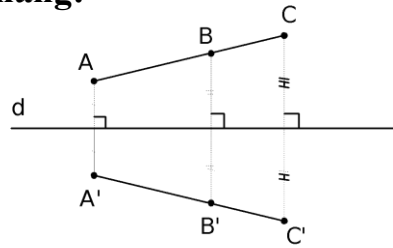
Định nghĩa: Hai điểm gọi là đối xứng nhau qua đường thẳng d nếu d là đường trung trực của đoạn thẳng nối hai điểm đó.

A và A' đối xứng với nhau qua $d \Leftrightarrow d$ là đường trung trực của đoạn thẳng AA'

b) **Quy ước** : Nếu điểm B nằm trên đường thẳng d thì điểm đối xứng với B qua đường thẳng d cũng là điểm B .

2. Hai hình đối xứng nhau qua một đường thẳng:

?2.



Định nghĩa: Hai hình gọi là đối xứng với nhau qua đường thẳng d nếu mỗi điểm thuộc hình này đối xứng với mỗi điểm thuộc hình kia qua đường thẳng d và ngược lại.

Đường thẳng d gọi là trục đối xứng của hai hình đó.

Chú ý: Nếu hai đoạn thẳng (góc, tam giác) đối xứng với nhau qua một đường thẳng thì chúng bằng nhau.

3. Hình có trục đối xứng:

?3. Đoạn thẳng AC là hình đối xứng với đoạn thẳng AB qua AH .

Đoạn thẳng AB là hình đối xứng với đoạn thẳng AC qua AH .

Đoạn thẳng BC là hình đối xứng với đoạn thẳng BC qua AH .

Định nghĩa: Đường thẳng d gọi là trục đối xứng của hình H nếu điểm đối xứng với mỗi điểm thuộc hình H qua đường thẳng d cũng thuộc hình H .

?4. a) Chữ cái in hoa có 1 trục đối xứng.

b) Tam giác đều ABC có 3 trục đối xứng.

c) Đường tròn tâm O có vô số trục đối xứng.

Định lí: Đường thẳng đi qua trung điểm hai đáy của hình thang cân là trục đối xứng của hình thang cân đó.

Bài tập:

Bài 36/SGK trang 87

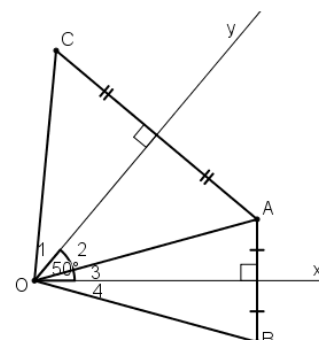
a) Vì điểm B đối xứng với điểm A qua Ox nên

Ox là đường trung trực của đoạn thẳng AB .

Suy ra $OA=OB$.(1)

Vì điểm C đối xứng với điểm A qua Oy nên

Oy là đường trung trực của đoạn thẳng AC .



NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 5

Suy ra $OC=OA$.(2)

Từ (1) và (2) suy ra $OB=OC$.

b) Tam giác OAC cân tại O (vì $OA=OC$) có Oy là đường trung trực của AC nên Oy cũng là phân giác của góc COA .

Do đó $\hat{O}_1 = \hat{O}_2$.

Chứng minh tương tự: $\hat{O}_3 = \hat{O}_4$.

Ta có: $C\hat{O}B = \hat{O}_1 + \hat{O}_2 + \hat{O}_3 + \hat{O}_4 = 2(\hat{O}_2 + \hat{O}_3) = 2.50^\circ = 100^\circ$

Vậy góc COB bằng 100° .

2. MÔN NGỮ VĂN 8 – TUẦN 5

TIẾT 17 : Tiếng Việt :TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

I. Từ ngữ địa phương.

1. **Ví dụ** (Các em đọc ví dụ và trả lời câu hỏi trong SGK trang 56)

2. Nhận xét:

- Bắp, bẹ -> từ địa phương.
- Ngô -> từ toàn dân.
- Từ địa phương là những từ chỉ sử dụng ở một(một số) địa phương nhất định.
- **VD:** U (mẹ), tía (cha),dề,dui/ về,vui.

***Ghi nhớ:**SGK(T56)

II. Biệt ngữ xã hội

1.**Ví dụ**((Các em đọc ví dụ và trả lời câu hỏi trong SGK trang 57)

2. Nhận xét:

- **mẹ** -> trong lời kể, đối tượng là độc giả.
- **mợ** -> lời thoại của bé Hồng trong cuộc đối thoại với người cô => hai người cùng tầng lớp xã hội.
- Biệt ngữ xã hội là những từ chỉ sử dụng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

VD:- phao (tài liệu), chấy giáo án (dạy không hết bài do thiếu thời gian)

- Gậy (1đ),ghi đông (3đ)

***Ghi nhớ:**SGK

III. Sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội. (Các em đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK T57)

* **Trong giao tiếp:**

Lưu ý: đối tượng , tình huống , hoàn cảnh giao tiếp

* **Trong thơ văn:**

Tô đậm màu sắc địa phương, tầng lớp xã hội , tính cách nhân vật.

* **Tránh lạm dụng:**

Tìm hiểu những từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng.

* **Ghi nhớ:** SGK

IV. Luyện tập. (Gợi ý)

Bài tập 1

Từ ngữ địa phương Từ ngữ toàn dân.

- | | |
|--------|---------|
| - mè | - vùng |
| - đàng | - đường |
| - nác | - nước. |
| - cươi | - sân |

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 5

Bài Tập 2:

- Sao cậu học gạo thế?
- Hôm qua tớ bị xoi ngỗng.
- Nó đẩy con xe với giá khá cao.

Bài tập 3 Các trường hợp sử dụng từ địa phương: a

- Các trường hợp không nên sử dụng từ địa phương: b,c,d,e,g

Bài Tập 4.

Mần chi kêu nhọc kêu đau.

Chộ o mô sòi sòi.

au đó bậy tề.(ca dao Nghệ Tĩnh)

Hướng dẫn về nhà: - Làm bài tập 5(sgk)

- Chuẩn bị bài : **Cô bé bán diêm**

Tiết 18,19:Văn bản :

CÔ BÉ BÁN DIÊM

(Trích)

(*An-đéc-xen*)

I. Tìm hiểu tác giả ,tác phẩm

1.Tác giả

- An-đéc-xen(1805 – 1875)
- Là nhà văn nổi tiếng của Đan Mạch,người kể chuyện cổ tích nổi tiếng thế giới.
- Có nhiều tập truyện cổ tích nổi tiếng,
- Tâm hồn nhân hậu, giàu tình thương đối với con người.

2.Tác phẩm.

Cô bé bán diêm (năm 1845)

II. Đọc- Tìm hiểu chung:

1. Đọc:

2. Từ khó:

3.Bố cục: 3 phần

III/ Tìm hiểu văn bản

1/ Em bé trong đêm giao thừa.

*** Hoàn cảnh**

- Mẹ mất, bà nội hiền hậu qua đời, bố khó tính.
- Sống chui rúc trong một xó tối tăm.
- Đi bán diêm để kiếm sống.
- >Đáng thương, bất hạnh, thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần.

***Khung cảnh:**

- Thời gian: đêm giao thừa.
- Không gian: tuyết rơi, rét dữ dội,đường phố vắng lặng.
- Cửa sổ mọi nhà...mùi ngỗng quay.
- Em ngồi nép mình...đánh em.
- Ngoài đường lạnh buốt, tối đen>< em bé bụng đói, ngồi nép mình bên đường.
- > Nghệ thuật tương phản=> Cô độc, nhỏ nhoi, tình cảnh tội nghiệp.

2. Những lần mộng tưởng và hiện thực của cô bé.

Mộng tưởng	Hiện thực
*Lò sưởi rực hồng ->được sưởi ấm- vì rét	* Lo bị cha mắng -> tro trọi, tội nghiệp
* bàn ăn, ngỗng quay.	* phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 5

<p>-> mong ăn ngon, sum họp- vì đói. * cây nô - en rục rờ. -> mong được vui đón giao thừa. * Thấy hình ảnh bà hiện về. -> Mong được che chở, yêu thg. * Muốn níu bà lại -> Mong dc ở cùng bà- thoát khỏi khổ cực.</p>	<p>xoá, gió thổi... -> cô đơn, bất hạnh, đói rét. * Ngọn nến bay lên rồi biến thành những ngôi sao trên trời. -> Nghĩ đến cái chết. * Ảo ảnh biến mất. - Tất cả biến mất em bé ra đi</p>
--	--

-> Mong ước giản dị, chính đáng của bất cứ đứa trẻ nào.-> Nghệ thuật đối lập, tương phản + kể chuyện đan xen giữa ảo và thực.

=> Thân phận bất hạnh của cô bé, -> sự xót thương, đồng cảm của tác giả.

3. Một cảnh thương tâm.

- Cô bé chết trong đêm giao thừa.-> bất hạnh, thương tâm.

- Sáng mừng một: Mọi người vui vẻ, dừng dừng>< em bé chết ở xó tường.

-> Sự đối lập : sự xót thương sâu sắc của tác giả.

=> Tố cáo xã hội băng giá , thiếu tình người.

IV/ Tổng kết:

1. Thái độ của tác giả.

- Đồng cảm với những khát khao, hạnh phúc của em bé.

- Day dứt, xót xa đối với em bé bất hạnh.

2. Nghệ thuật:

- Đan xen yếu tố thật và huyền ảo.

- Sử dụng nghệ thuật tương phản, đối lập.

- Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc hoạ tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh.

- Sáng tạo trong cách kể chuyện

3. Nội dung:

Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh.

* Ghi nhớ (SGK).

Hướng dẫn về nhà: - Làm phần luyện tập ở cuối bài học, học bài cũ

- Chuẩn bị: **Trợ từ, thán từ**

TIẾT 20: TIẾNG VIỆT : TRỢ TỪ, THÁN TỪ

I / Trợ từ.

1. Ví dụ: (Các em đọc và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa)

2. Nhận xét:

a. Nói lên sự thật khách quan.

b. Nhấn mạnh, đánh giá ăn hai bát cơm là nhiều -> có từ **những**.

c. Nhấn mạnh, đánh giá ăn hai bát cơm là ít. -> có từ **có**.

> Trợ từ:

- Trợ từ là những từ ngữ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.

- **VD:** có, những, chính, đích, ngay...

- **Đặt câu:** *Chính Lan nói với tôi như vậy đấy.*

* Ghi nhớ : (SGK Trang 69)

II/ Thán từ

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 5

1.Ví dụ: (Các em đọc và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa)

2.Nhận xét:

- *Này*: gây chú ý(hô ngữ).

- *A*: tức giận (hoặc vui mừng).

- *Vâng*: lễ phép.

=>Thán từ.

- Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.

+ Vị trí: đầu câu hoặc tách riêng (câu đặc biệt).

- Có hai loại:

+ Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc : a, ái, ôi,ô,than ôi,trời ơi.chao ôi,....

+Thán từ gọi đáp: này,ơi,vâng,dạ,ừ...

* **Ghi nhớ: SGK**

III. Luyện tập. (Gợi ý)

BT1 Các trợ từ ở câu: a, c, g, i.

BT 2

-*Lấy*: ít nhất, nghĩa là k có một lá thư, k một lời nhắn gửi, k một đồng quà.

- *Nguyên*: chỉ riêng tiền thách cưới đã quá cao.

- *Đến*: quá vô lí.

- *Cả*: nhấn mạnh việc ăn quá mức.

- *Cứ*: nhấn mạnh việc lặp lại nhằm chán.

BT 3. Các thán từ:

a. *Này! À!* d. *Chao ôi!*

b. *Ấy!* c. *hỡi ơi.*

c. *Vâng*

BT 4:

- *Kia*: Tô ý đặc trí.

- *Ha ha*: Khoái chí.

- *Aí ái*: Tô ý van xin.

- *Than ôi*: Tô ý nổi tiếc.

BT5:

- *Ừ!* Cái bút này đẹp đây!

- *A !* Mẹ đã về!

- *Vâng* em biết ạ.

- *Trời!* Bông hoa đẹp quá.

Hướng dẫn về nhà: - Làm bài tập 2c,d, 4,5, 6 (sgk)

- Chuẩn bị bài : **Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự.**

3. MÔN ANH 8 – TUẦN 5

Week 5 Unit 2 (Skills 2, Looking back)

Period: 13,14,15

Unit 3 (Getting started)

UNIT 2: LIFE IN THE COUNTRYSIDE

F. SKILLS 2

I. LISTENING

1. Listen to the boy talking about the changes in his village and tick (✓).....

A.....The roads in the village

B...✓...Electrical appliances in the homes

C...✓...Means of transport

D.....Entertainment

E...✓...School

F...✓...Visitors

2. Listen again and say True or false

1.F 2.T 3.F 4.T 5.T

3. Listen again and answer the questions

1. His parents.
2. Life outside their village.
3. Nearby / Near the village.
4. The way of life.

II. WRITING

4. What do you think?

5. Work in groups

6. Write a short paragraph about the changes

G. LOOKING BACK

I. Vocabulary.

1. Use the words and phrases in the box to describe the pictures.

Picture a: peaceful, vast, quiet, pasture, paddy field

Picture b: quiet, colourful, paddy field, harvest time, rice

Picture c: peaceful, vast, quiet, nomadic life, inconvenient, ger, pasture, cattle, horses

2. Look at each picture and write a sentence describing what each person is doing.

Use the verbs in brackets.

1. A boy is riding a horse
2. A man is herding his cattle/sheep.
3. A girl is picking apples (from an apple tree).
4. A boy is flying a kite.
5. The children are running around in the fields/countryside.
6. A woman is collecting water from the river

II. Grammar

3. Look at the pictures and complete the sentences, using suitable comparative forms of the adverbs in brackets.

1. faster than
2. earlier than
3. better-than
4. more skillfully than
5. more beautifully-than

4. Read the situations and complete the sentences....

- 1...faster than a camel.
- 2...more happily than those in the city.
- 3...more heavily on the weather than people in many other jobs.
- 4...worse than I do

III. Communication

5. Work in groups

Model report to the class:

Hi. I am I am the representative of the group Lovely Tiger. Our group includes Tuan, Nga, Nam and me - Lan. After our ardent discussion about what we will do during the trip to the countryside, I would like to report it to you as follows:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 5

Tuan will climb the trees to find bird nests. He wants to know how the birds lay eggs. Nga will go fishing. She has bought her fishing rod already. She hopes to catch a lot of fish. Nam wants to swim in the river there. He can swim very well in the swimming pool, but he has never swum in a river. I am the last person in my group. I will ride a bike around the village to go sight-seeing. I will take a camera with me. I hope I will take a lot of beautiful pictures there.

* PROJECT

I love the countryside

Model report to the class:

This is our home village in the countryside. It has a wooden house in the middle. The house is near the river. There is a boat on the river. There is also a field of wild flowers nearby. We will bike along the river and swim in the river. We will go boating on the river. In the morning we will go picking the wild flowers. We love our place very much.

UNIT 3: PEOPLES OF VIET NAM

* VOCABULARY

1. ancestor (n) /'ænsɛstə(r)/	: ông cha, tổ tiên
2. basic (adj) /'beɪsɪk/	: cơ bản
3. complicated (adj) /'kɒmplɪkeɪtɪd/	: tinh vi, phức tạp
4. costume (n) /'kɒstju:m/	: trang phục
5. curious (adj) /'kjʊəriəs/	: tò mò, muốn tìm hiểu
6. custom (n) /'kʌstəm/	: tập quán, phong tục
7. diverse (adj) /daɪ'vɜ:s/	: đa dạng
8. diversity (n) /daɪ'vɜ:səti/	: sự đa dạng, phong phú
9. ethnic (adj) /'eθnɪk/ (thuộc)	: dân tộc
10. ethnic group (n) /'eθnɪk gru:p/ (nhóm)	: dân tộc
11. ethnic minority people (n) /'eθnɪk maɪ'nɔ:rəti 'pi:pl/	: người dân tộc thiểu số
12. gather (v) /'gæðə(r)/	: thu thập, hái lượm
13. heritage (n) /'herɪtɪdʒ/	: di sản
14. hunt (v) /hʌnt/	: săn bắt
15. insignificant (adj) /,ɪnsɪg'nɪfɪkənt/	: không quan trọng, không ý nghĩa
16. majority (n) /mə'dʒɔ:rəti/	: đa số
17. minority (n) /maɪ'nɔ:rəti/	: thiểu số
18. multicultural (adj) /,mʌlti'kʌltʃərəl/	: đa văn hóa
19. recognise (v) /'rekəgnaɪz/	: công nhận, xác nhận
20. shawl (n) /ʃɔ:l/	: khăn quàng
21. speciality (n) /,speʃi'æləti/	: đặc sản
22. stilt house (n) /stɪlt haʊs/	: nhà sàn
23. terraced field (n) /'terəst fi:ld/	: ruộng bậc thang
24. tradition (n) /trə'dɪʃn/	: truyền thống
25. unique (adj) /ju'ni:k/	: độc nhất, độc đáo
26. waterwheel (n) /'wɔ:təwi:l/	: cối xay nước

A. GETTING STARTED

1. Listen and read

a. Find the opposite of these words in the conversation

1. interesting 2. largest 3. minority 4. southern

b. Read the conversation again and answer the questions

1. They are in the Museum of Ethnology.
2. They want to know about the ethnic groups of Viet Nam.
3. There are 54 (ethnic groups)

4. The Viet (or Kinh) have the largest population.

5. Yes, they do.

c. Find the expressions in the conversation.

1. Used as a reply, agreeing with what sb had just said, or emphasizing that it is correct.

2. How + adj/adv: used to show a strong reaction to sth

3. Used to show you understand what someone said.

4. Used to show that you think something is great

d. Work in pairs.

* **Look out!**

‘people’ is used as the plural of ‘person’ to refer to men, women, and children ‘people’:
ethnic groups of people who belong to a particular country, race, or area

2. Use the words and phrases in the box to label each picture

1. five-colour sticky rice 2. terraced fields 3. festival 4. folk dance

5. open air market 6. musical instrument 7. costume 8. stilt house

3. Complete the sentences

1. ethnic 2. heritage site 3. stilt houses

4. festivals 5. member 6. terraced fields

4. Game: Quick quiz:

1. Which ethnic group has the smallest population?

2. Do the Hmong have their own language?

3. Where do the Coho live?

4. What colour is the Nung’s clothing?

5. Which group has a larger population, the Tay or the Thai?

6. Whose arts are displayed at a museum in Da Nang?

*** HOMEWORK**

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.

- Do the exercises in your Workbook.

- Prepare the next lesson.



4. MÔN VẬT LÝ 8 – TUẦN 5

Tuần 5 - Bài 4: BIỂU DIỄN LỰC

I. Ôn lại khái niệm lực:

- Lực có thể làm biến dạng, thay đổi chuyển động (nghĩa là thay đổi vận tốc) của vật.

II. Biểu diễn lực:

1. Lực là một đại lượng vectơ:

Một đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương và chiều là một đại lượng vectơ.

Vậy, lực là một đại lượng vectơ.

2. Cách biểu diễn và kí hiệu vectơ lực:

a. Để biểu diễn vectơ lực người ta dùng mũi tên có:

- Góc là điểm mà lực tác dụng lên vật (gọi là điểm đặt của lực).

- Phương và chiều là phương và chiều của lực.

- Độ dài biểu diễn cường độ (độ lớn) của lực theo một tỉ xích cho trước.

b. Vectơ lực kí hiệu bằng chữ F có mũi tên ở trên \vec{F} .

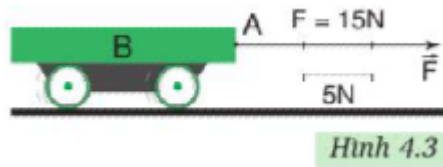
Ví dụ:

Một lực 15N tác dụng lên xe lăn B. Các yếu tố của lực này được biểu diễn và kí hiệu như sau (H.4.3):

-Điểm đặt A.

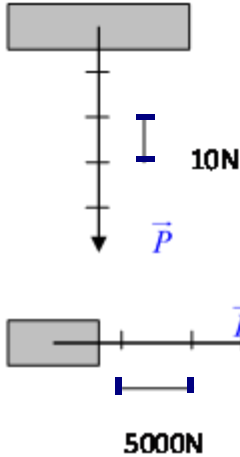
- Phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải.

- Cường độ $F = 15\text{N}$.



III. Vận dụng:

C.2: Trọng lượng của vật $P = 10 \cdot m = 10 \cdot 5 = 50\text{N}$



C.3: ...

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Xem lại bài.
- Làm bài tập 5.5; 5.6/ Sách bài tập.
- Xem trước bài 5 - Sự cân bằng lực – Quán tính.

5. MÔN HÓA HỌC 8 – TUẦN 5

Bài 6: ĐƠN CHẤT VÀ HỢP CHẤT- PHÂN TỬ (T2)

A. Nội dung bài học:

III. Phân tử:

1. Định nghĩa: : Phân tử là hạt đại diện cho chất, gồm một số nguyên tử liên kết với nhau và thể hiện đầy đủ tính chất hoá học của chất.

VD: - Khí hidro, oxi : 2 nguyên tử cùng loại liên kết với nhau.

- Nước : 2H liên kết với 1O.

- Muối ăn: 1Na liên kết với 1Cl.

2. Phân tử khối:

* **Định nghĩa:** Phân tử khối là khối lượng của phân tử tính bằng đ.v.C, bằng tổng nguyên tử khối của các nguyên tử trong phân tử.

VD: PTK khí oxi = 2. NTK O = 2.16 = 32 đvC ;

PTK khí Clo = 2. NTK Cl = 2. 35,5 = 71 đvC.

PTK phân tử CaCO_3 = NTK Ca + NTK C + 3. NTK O = 40 + 12 + 3. 16 = 100 đvC

B. Hướng dẫn về nhà:

* Học bài.

* Làm bài tập:

1. Làm bài tập 5, 6 , 7 trang 26 SGK

2. Làm bài tập 6.5, 6.6, trang 8 SBT

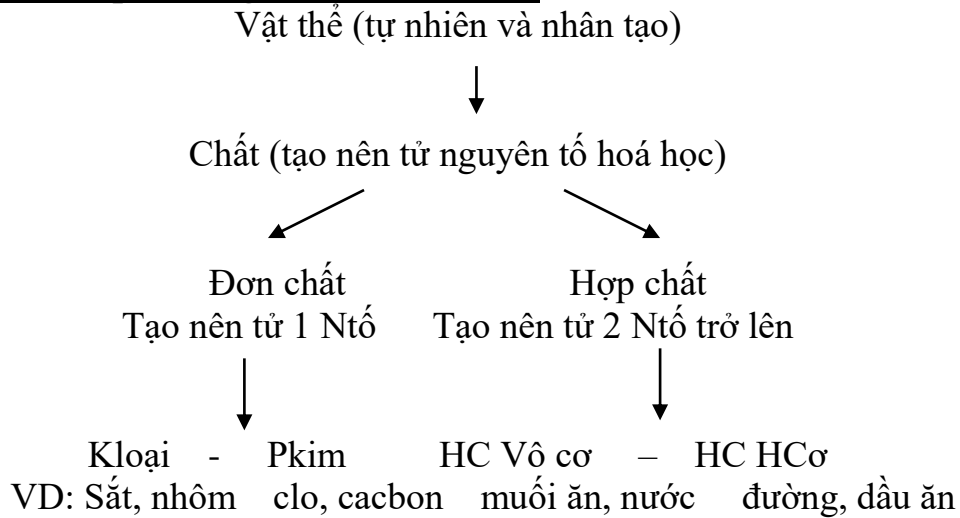
* Ôn tập những bài đã học để tiết sau luyện tập.

Bài 8: BÀI LUYỆN TẬP 1

A. Nội dung bài học:

I. Kiến thức cần nhớ:

1. Sơ đồ về mối quan hệ giữa các khái niệm:



2. Tổng kết về chất, nguyên tử và phân tử : Trang 30 SGK

II. Bài tập

* BT 1,2 trang 30-31

a, NTK oxi là: 16 đvC.

- Gọi hợp chất là: XH_4 .

Ta có: $XH_4 = 16$ đvC.

$$X + 4.1 = 16 \text{ đvC.}$$

$$X = 16 - 4 = 12 \text{ đvC.}$$

Vậy X là Cac bon, kí hiệu: C.

b, CTHH của hợp chất là CH_4 .

Khối lượng phân tử $CH_4 = 12 + 4.1 = 16$ đvC.

KL nguyên tử C = 12 đvC.

Vậy:

$$\% C = \frac{12}{16} . 100\% = 75\%.$$

* BT2:(trang 31)

Giải:

a, Gọi CTPT hợp chất là: X_2O .

Biết $H_2 = 2$ đvC, mà X_2O nặng hơn phân tử Hidro 31 lần, nên: $PTK X_2O = 2.31 = 62$ đvC.

b, $\rightarrow PTK X_2O = 2.NTK X + NTK O = 2. NTK X + 16 = 62$ đvC.

$$NTK X = \frac{62 - 16}{2} = 23. \text{ đ.v. C}$$

Vậy X là Natri, kí hiệu: Na.

B. Hướng dẫn về nhà:

* Học bài.

* Làm bài tập: 1, 2, 3, 4 trang 30, 31 SGK

* Xem trước bài 9”Công thức hóa học”

6. MÔN SINH HỌC 8 – TUẦN 5

BÀI 9: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA CƠ

I. Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ:

1. Bắp cơ:

+ Gồm nhiều bó cơ hợp lại, mỗi bó gồm nhiều sợi cơ (tế bào cơ) bọc trong màng liên kết.

+ Hai đầu bắp cơ có gân bám vào xương, giữa phình to là bụng cơ.

2. Tế bào cơ: gồm nhiều đoạn, mỗi đoạn là 1 đơn vị cấu trúc giới hạn bởi 2 tấm hình chữ Z. Sự sắp xếp các tơ cơ mảnh và tơ cơ dày ở tế bào cơ tạo nên đĩa sáng và đĩa tối.

+ Đĩa tối: là nơi phân bố tơ cơ dày.

+ Đĩa sáng là nơi phân bố tơ cơ mảnh.

II . Tính chất của cơ:

- Thí nghiệm: xem sgk

- Tính chất của cơ là co và dẫn. Khi bị kích thích, cơ phản ứng lại bằng co cơ.

- Cơ co chịu sự ảnh hưởng của hệ thần kinh.

- Cơ co rồi lại dẫn rất nhanh tạo chu kì co cơ.

III . Ý nghĩa của hoạt động co cơ:

- Cơ co giúp xương cử động để cơ thể vận động, lao động, di chuyển.

- Trong sự vận động cơ thể luôn có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các nhóm cơ.

Bài 10: HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ

I. Công cơ : (không học)

II. Sự mỏi cơ :

1. Nguyên nhân của sự mỏi cơ :

- Cung cấp oxi thiếu.

- Năng lượng thiếu.

- Axit lactic bị tích tụ trong cơ, đầu độc cơ.

2. Biện pháp chống mỏi cơ:

- Khi mỏi cơ cần nghỉ ngơi, thở sâu, kết hợp xoa bóp cơ sau khi hoạt động (chạy...) nên đi bộ từ từ đến khi bình thường.

- Để lao động có năng suất cao cần làm việc nhịp nhàng, vừa sức (khối lượng và nhịp co cơ thích hợp) đặc biệt tinh thần vui vẻ, thoải mái.

- Thường xuyên lao động, tập thể dục thể thao để tăng sức chịu đựng của cơ.

III. Thường xuyên luyện tập để rèn luyện cơ:

- Thường xuyên luyện tập thể dục thể thao và lao động hợp lí nhằm:

+ Tăng thể tích cơ (cơ phát triển).

+ Tăng lực cơ cơ và làm việc dẻo dai, làm tăng năng suất lao động.

+ Xương thêm cứng rắn, tăng năng lực hoạt động của các cơ quan; tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá... Làm cho tinh thần sảng khoái.

- Tập luyện vừa sức.

7. MÔN LỊCH SỬ 8 – TUẦN 5

CHỦ ĐỀ

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

II. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác và các tổ chức quốc tế.

1. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác.

- Năm 1844, Ph.Ăng-ghen và C.Mác gặp nhau ở Pháp, từ đó bắt đầu một tình bạn lâu dài, cùng hoạt động cách mạng.
- Ở Anh: 2 ông đã tham gia tổ chức “Đồng minh những người chính nghĩa”, sau đó cải tổ thành “Đồng minh những người cộng sản”. Đây là chính đảng độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản quốc tế.
- Tháng 2-1848 bản Tuyên ngôn Đảng Cộng sản ra đời.

2. Các tổ chức Quốc tế.

a. Quốc tế thứ nhất.

- Ngày 28-9-1864 Quốc tế thứ nhất được thành lập.
- Vai trò: vừa tiến hành truyền bá học thuyết Mác, vừa thúc đẩy phong trào công nhân quốc tế phát triển.

b. Quốc tế thứ hai.

- 14 - 7-1889 nhân kỉ niệm 100 năm ngày nhân dân Pháp phá ngục Ba-xti, Quốc tế thứ hai được thành lập.
- Quốc tế thứ hai hoạt động trải qua hai giai đoạn, đã có nhiều đóng góp cho phong trào công nhân thế giới.
- Năm 1914 khi chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Quốc tế thứ hai tan rã.

c. Quốc tế thứ ba.

- Ngày 2-3-1919 thành lập Quốc tế thứ ba tại Mát-xcơ-va.
- Vai trò: đề ra đường lối cách mạng đúng đắn cho từng thời kỳ phát triển của cách mạng thế giới.
- Năm 1943 Quốc tế cộng sản tuyên bố tự giải tán.

8. MÔN ĐỊA LÝ 8 – TUẦN 5

Bài 4:

THỰC HÀNH

PHÂN TÍCH HOÀN LƯU GIÓ MÙA Ở CHÂU Á

Phân tích hướng gió về mùa đông, mùa hạ ở Châu Á

Mùa	Khu vực	Hướng gió chính	Thổi từ áp cao.... đến áp thấp.
Mùa đông (tháng 1)	Đông Á	Tây Bắc	Cao áp Xi-bia → thấp A-lê-út
	Đông Nam Á	Đông Bắc hoặc Bắc	Cao Xi-bia → thấp xích đạo
	Nam Á	Đông Bắc (bị biến tính nên khô ráo ẩm áp)	Cao Xi-bia → thấp xích đạo
Mùa hạ (tháng 7)	Đông Á	Đông Nam	Cao Ha-oai → chuyển vào lục địa
	Đông Nam Á	Tây Nam (biến tính: Đông Nam)	Cao các cao áp: Ô-x-trây-li-a, Nam Ấn độ dương chuyển vào lục địa.
	Nam Á	Tây Nam	Cao áp Ấn độ dương → thấp I-ran

-Hoạt động luyện tập:

- 1: Cho biết sự khác nhau về hoàn lưu gió mùa châu Á vào mùa đông và mùa hạ?
- 2: Đặc điểm thời tiết về mùa đông và mùa hạ khu vực gió mùa châu Á?
- 3: Sự khác nhau về thời tiết ở mùa đông và mùa hạ khu vực gió mùa ảnh hưởng như thế nào tới sinh hoạt và sản xuất của con người trong khu vực?

-Vận dụng- Mở rộng:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 5

- Qua sự phân tích hoàn lưu gió mùa châu Á hãy cho biết:

+ Điểm khác nhau cơ bản về tính chất giữa gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ là gì? Vì sao?

+ Nguồn gốc và sự thay đổi hướng gió của hai mùa đông và hạ có ảnh hưởng như thế nào tới thời tiết và sinh hoạt, sản xuất ?

+ Em biết gì về 2 loại gió mùa diễn ra tại nước ta?

- Ôn tập các chủng tộc lớn trên thế giới. Đặc điểm dân cư các Châu Phi, Mỹ, Âu và Đại dương.

Soạn bài 5: *Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á.*

9. MÔN CÔNG NGHỆ 8 – TUẦN 5

BÀI TẬP THỰC HÀNH ĐỌC BẢN VẼ CHI TIẾT CÓ HÌNH CẮT

I. Chuẩn bị

- Dụng cụ: thước kẻ, compa

- Vật liệu: Giấy A4, bút chì, tẩy, giấy nháp

- SGK, VBT

II. Nội dung:

- Đọc bản vẽ chi tiết vòng đai, ghi các nội dung cần tìm hiểu vào mẫu như bảng 9.1

III. Các bước tiến hành

- Bước 1: Kẻ bảng mẫu 9.1 SGK

- Bước 2: Đọc bản vẽ, hoàn thành cột 3 của bảng 9.1

Tiết 10: BIỂU DIỄN REN

I. Chi tiết có ren

Ren dùng để lắp ghép các chi tiết hoặc dùng để truyền lực

- Các chi tiết có ren như: bu lông, đai ốc, trục trước và trục sau của bánh xe đạp....

II. Qui ước về ren

1. Ren ngoài

- Ren ngoài là ren được hình thành ở mặt ngoài của chi tiết

- Qui ước:

+ ĐĐR được vẽ bằng nét liền đậm

+ ĐCR được vẽ bằng nét liền mảnh

+ ĐGH ren được vẽ bằng nét liền đậm

+ VĐR được vẽ đóng kín bằng nét liền đậm

+ VCR được vẽ hở bằng nét liền mảnh

2. Ren trong:

- Ren trong được h thành ở mặt trong của lỗ

- Qui ước:

+ Đường đỉnh ren vẽ bằng nét liền đậm

+ ĐCR được vẽ bằng nét liền mảnh

+ ĐGH ren được vẽ bằng nét liền đậm

+ VĐR được vẽ đóng kín bằng nét liền đậm

+ VCR được vẽ hở bằng nét liền mảnh

3. Ren che khuất

Khi ren bị che khuất thì các đường đỉnh ren, chân ren, GHR, đều được vẽ bằng nét đứt

10. MÔN GD CD 8 – TUẦN 5

Chủ đề : TUÂN THỦ THEO KỈ LUẬT VÀ PHÁP LUẬT

Bài 5: PHÁP LUẬT VÀ KỈ LUẬT (Tiết 1)

I/ Phân nội dung bài học HS ghi vào vở:

1. Thế nào là pháp luật, kỉ luật?

- Pháp luật là những quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc, do nhà nước ban hành, được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.
- Kỉ luật là những quy định, quy ước chung của tập thể và yêu cầu mọi người phải tuân theo.

2. Mối quan hệ giữa pháp luật và kỉ luật:

Quy định của tập thể phải tuân theo quy định của pháp luật, không được trái với pháp luật.

3. Vì sao phải chấp hành pháp luật và kỉ luật?

- Giúp mọi người có một chuẩn mực chung để rèn luyện và thống nhất trong hành động.
- Tạo điều kiện cho cá nhân và xã hội phát triển theo định hướng chung.

4. Cách rèn luyện:

- Học sinh thường xuyên và thực hiện đúng những qui định của PL và KL ở mọi nơi, mọi lúc.
- Biết nhắc nhở bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện những quy định của pháp luật và kỉ luật.
- Đồng tình, ủng hộ những hành vi tuân thủ đúng PL và KL; phê phán, tố cáo những hành vi vi phạm PL và KL.

II/ Phần HS tự đọc, tìm hiểu và trả lời các câu hỏi:

HS tự đọc phần ĐVD SGK Tr13,14 , tìm hiểu và trả lời các câu hỏi sau :

- H1. Vũ Xuân Trường và đồng bọn đã có những hành vi vi phạm pháp luật như thế nào?
- H2. Những hành vi vi phạm pháp luật của Vũ Xuân Trường đã gây ra hậu quả gì?
- H3. Để chống lại những âm mưu xảo quyệt của bọn tội phạm ma túy, các chiến sĩ công an cần có những phẩm chất gì?
- H4. Em rút ra bài học gì qua vụ án trên?
- H5. Việc làm của Vũ Xuân Trường và đồng bọn là vi phạm pháp luật hay kỉ luật? Vì sao?
- H6. Em hãy kể một số hành vi vi phạm pháp luật và kỉ luật khác mà em biết?
- H7. Vậy em hiểu thế nào là pháp luật và KL?
- H8. Theo em, giữa pháp luật và kỉ luật có điểm gì giống và khác nhau?
- H9. Từ việc tìm hiểu trên, theo em pháp luật và kỉ luật có mối quan hệ với nhau không? Vì sao?
- H10. Có ý kiến cho rằng: Tôn trọng PL và KL sẽ làm cho con người bị gò bó, mất tự do. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?
- H11. Chấp hành tốt pháp luật và kỉ luật sẽ đem lại lợi ích gì?
- H12. Tính kỉ luật của HS được biểu hiện như thế nào trong học tập, trong gia đình và ở cộng đồng?
- H13. Em đã thực hiện tôn trọng PL và KL chưa? Hãy kể một việc làm của em, bạn bè hoặc người thân em chưa tôn trọng PL và KL?
- H14. Học sinh phải làm gì để thực hiện tốt pháp luật và kỉ luật?

11. MÔN TIN HỌC 8 – TUẦN 5

BÀI TẬP

Bài 1. Dãy chữ số 2021 có thể thuộc những kiểu dữ liệu nào?

Trả lời:

Dãy chữ số 2021 có thể thuộc kiểu dữ liệu: Integer (số nguyên), real (số thực), String (xâu kí tự). Tuy nhiên, để chương trình dịch Turbo Pascal hiểu 2021 là dữ liệu kiểu xâu, chúng ta phải viết dãy số này trong cặp dấu nháy đơn ('').

Ví dụ: kiểu xâu kí tự: '2021'.

Bài 2. Hãy phân biệt ý nghĩa của các câu lệnh Pascal sau đây:

Writeln('5+20=', '20+5'); và Writeln('5+20=', 20+5);

Hai lệnh sau có tương đương với nhau không? Tại sao?

Writeln('100'); và Writeln(100);

Trả lời:

- Writeln('5+20=' , '20+5'); thì sẽ cho ra kết quả trả về thuộc kiểu dữ liệu xâu kí tự: 5+20= 20+5

- Writeln('5+20=' , 20+5); thì sẽ cho ra kết quả là một số bởi một phép tính toán: 5+20= 25

- Hai lệnh Writeln('100'); và Writeln(100); không tương đương với nhau vì một lệnh in ra màn hình xâu ký tự biểu diễn số 100 còn lệnh kia in ra màn hình số 100.

Bài 3. Viết các biểu thức toán dưới đây với các kí hiệu trong Pascal:

a) $\frac{a}{b} + \frac{c}{d}$;

b) $ax^2 + bx + c$;

c) $\frac{1}{x} - \frac{a}{5}(b+2)$;

d) $(a^2 + b)(1 + c)^3$.

Trả lời:

Các biểu thức trong Pascal:

a) $a/b + c/d$

b) $a*x*x + b*x + c$

c) $1/x - a/5*(b + 2)$

d) $(a*a + b)*(1 + c)*(1 + c)*(1 + c)$

Bài 4. Chuyển các biểu thức được viết trong Pascal sau đây thành các biểu thức toán:

a) $(a + b)*(a + b) - x/y$;

b) $b/(a*a + c)$;

c) $a*a/((2*b + c)*(2*b + c))$;

d) $1 + 1/2 + 1/(2*3) + 1/(3*4) +$

$1/(4*5)$.

Trả lời:

a) $(a + b)^2 - \frac{x}{y}$;

b) $\frac{b}{a^2 + c}$;

c) $\frac{a^2}{(2b + c)^2}$;

d) $1 + \frac{1}{2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \frac{1}{4.5}$.

Bài 5. Hãy xác định kết quả của các phép so sánh sau đây:

a) $15 - 8 \geq 3$;

b) $(20 - 15)^2 \neq 25$;

c) $11^2 = 121$;

d) $x > 10 - 3x$.

Trả lời:

Kết quả của các phép so sánh:

a) Đúng

b) Sai

c) Đúng

d) Đúng khi $x > 3$ và ngược lại.

Bài 6. Viết các biểu thức ở bài tập 5 theo quy ước của Pascal.

Trả lời:

13. MÔN MỸ THUẬT 8 – TUẦN 5

BÀI 6:

**Vẽ trang trí
TRÌNH BÀY KHẨU HIỆU**

I. Quan sát, nhận xét: (Sgk/96,97)

- Khẩu hiệu là một câu ngắn gọn mang nội dung tuyên truyền, cổ động được trình bày trên nền vải, trên tường hoặc trên giấy.
- Khẩu hiệu đẹp phải có bố cục chặt chẽ, kiểu chữ, màu sắc phù hợp với nội dung.

II. Cách trình bày khẩu hiệu:

- Chọn kiểu chữ và sắp xếp thành dòng cho phù hợp với nội dung.
- Ước lượng khuôn khổ của dòng chữ.
- Vẽ phác khoảng cách của các con chữ.
- Phác nét chữ, kẻ chữ và hình trang trí (nếu cần)
- Tô màu chữ, màu nền và họa tiết trang trí.

III. Thực hành:

Kẻ khẩu hiệu: “KHÔNG CÓ GÌ QUÍ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO”

Tùy chọn trong các khuôn khổ: 10 x 30cm hoặc 20 x 30cm hay 20 x 20cm.

14. MÔN THỂ DỤC 8 – TUẦN 5

Bài học : BÀI THỂ DỤC - CHẠY NGẮN – CHẠY BỀN

NỘI DUNG:

- Biết cách thực hiện các động tác bài TD từ 1 đến 35.
 - Biết cách thực hiện: chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau.
- Trò chơi “Chạy đuổi”, xuất phát thấp – chạy lao.

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :

***Nội dung :**

+ **chủ đề 1 : Chạy ngắn:** ôn tập

- Một số bài tập bổ trợ.
- Trò chơi: “ Chạy tốc độ cao”
- xuất phát cao chạy nhanh 30-60m

+ **chủ đề 2 : Bài Thể dục**

- Ôn từ nhịp 1 – 35

+ **Chủ đề 3 : Chạy bền**

- chạy vượt chướng ngại vật
- **Nghiên cứu tranh ảnh, tài liệu, tự tập : giao nhiệm vụ**
- Bài tập 1 : Trò chơi : ôn lại các trò chơi ở tiết trước đã học
- Bài tập 2 : nghiên cứu tranh và em Gv làm mẫu và cùng tập theo 8 nhịp của bài TDPTC.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

2.1. Chủ đề 1 : Chạy ngắn :

+ **Bài tập 1 :**

- Tập các bài tập bổ trợ : Tại chỗ nâng cao đùi- đánh lăng tay hết tốc độ

2.2. Chủ đề 2 : Bài TD

- Ôn : từ nhịp 1- 35

2.3. Chủ đề 3 : Chạy bền

- Tập chạy vượt chướng ngại vật

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 5

- Gv hướng dẫn cách kiểm tra mạch trước và sau khi chạy.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn tập, luyện tập thêm để hoàn thiện kỹ thuật chạy ngắn. chuẩn bị tốt nhất cho tiết sau kiểm tra.

Bài học : BÀI THỂ DỤC - CHẠY NGẮN

NỘI DUNG:

- Biết cách thực hiện các động tác bài TD từ 1 đến 35.

- Biết cách thực hiện: chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau. Trò chơi “Chạy con thoi tiếp sức”, xuất phát thấp – chạy lao – chạy giữa quãng (60m).

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

*Nội dung :

+ Chủ đề 1 : *Chạy ngắn*: ôn tập

- Một số bài tập bổ trợ.

- Trò chơi: “ Chạy tốc độ cao”

- xuất phát thấp – chạy lao

- Học : chạy giữa quãng 50 – 60m

+ Chủ đề 2 : *Bài Thể dục*

- Ôn và hoàn thiện từ nhịp 1 - 35

2.2. Nghiên cứu tranh ảnh, tài liệu, tự tập : giao nhiệm vụ

- Bài tập 1 : Trò chơi : ôn lại các trò chơi ở tiết trước đã học

- Bài tập 2 : nghiên cứu tranh và em Gv làm mẫu và cùng tập theo 17 nhịp của bài TDPTC.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

2.1. Chạy ngắn :

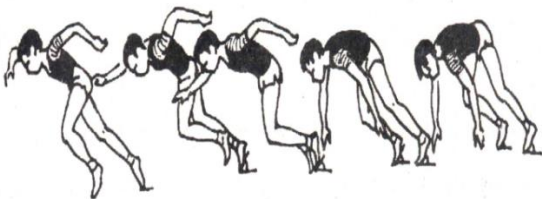
+ Bài tập 1 :

- Tập các bài tập bổ trợ : Tại chỗ nâng cao đùi- đánh lăng tay hết tốc độ

- Trò chơi: Chạy tốc độ cao

+ xuất phát thấp - chạy lao

- Chạy lao:



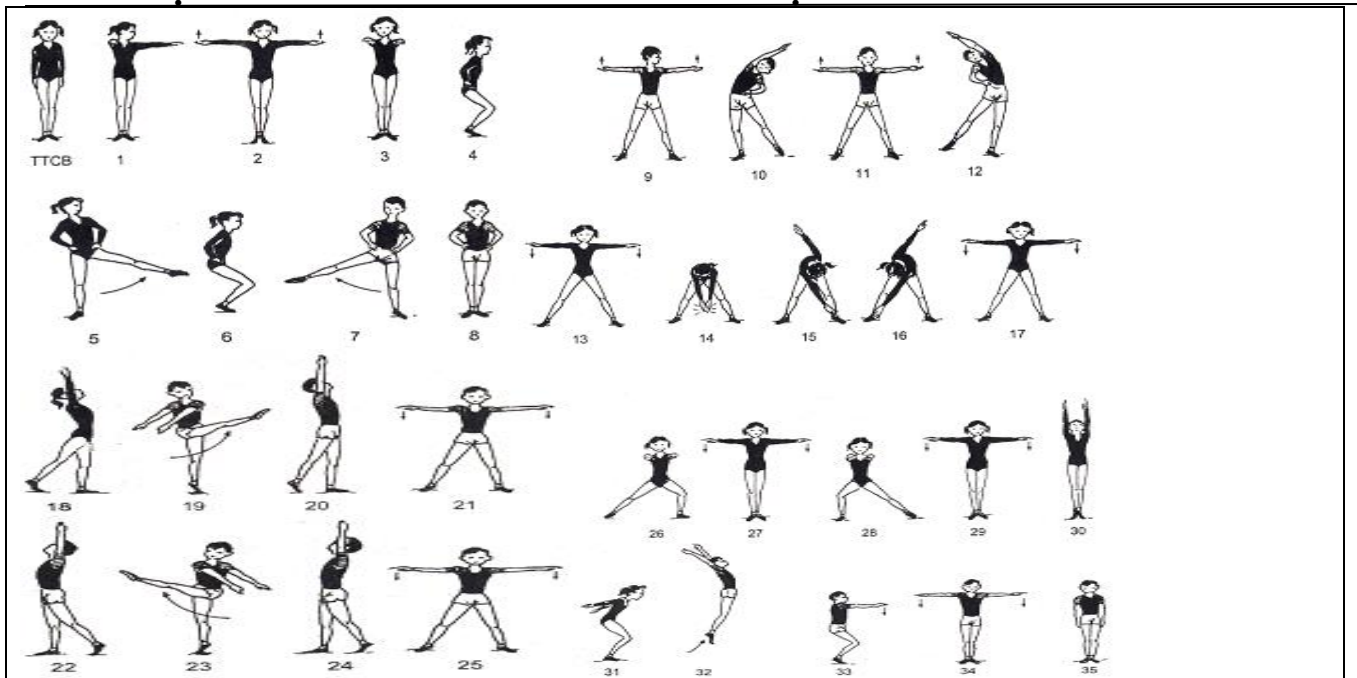
- Học : Chạy giữa quãng 50 – 60m



2.2. Chủ đề 2 : Bài TD

- Ôn : từ nhịp 1- 35

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 5



3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn tập, luyện tập thêm để hoàn thiện kỹ thuật chạy ngắn. chuẩn bị tốt nhất cho tiết sau kiểm tra.
- Ôn 35 động tác bài thể dục .